***Tiết 84, 85, 86, 87***

***Ngày soạn: 09/03/2023***

***Ngày dạy:***

**CHỦ ĐỀ: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 36: ĐỘNG VẬT**

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VÀ CUỘC SỐNG

Thời gian thực hiện: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

*a. Nhận thức khoa học tự nhiên*

* Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống.
* Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp).
* Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú).
* Nêu được tính đa dạng của động vật

*b. Tìm hiểu tự nhiên*

* Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.

*c. Vận dụng kiến thức, kĩ năng*

- Vận dụng kiến thức đã học để phòng, tránh một số bệnh do động vật gây ra.

**2. Phẩm chất:**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân tìm hiểu về các nhóm động vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, phân chia nhiệm vụ và chủ động thực hiện, hỗ trợ, góp ý cho các thành viên trong nhóm.
* Cẩn thận, tỉ mỉ quan sát mẫu vật, mô hình, hình ảnh hình thái để phát hiện các đặc điểm nổi bật của các nhóm động vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị dạy học:**

**a. Giáo viên**

-Hình ảnh, các đại diện các loài thuộc các nhóm động vật.

* Phiếu học tập KWL, Sơ đồ tư duy bài “ Động vật”, phiếu học tập Bảng tổng kết các nhóm động vật.
* Video về một số động vật không xương sống và động vật có xương sống.

**b. Học sinh**: Tìm kiếm thông tin về vai trò hoặc tác hại của động vật đối với đời sống.

**c. Công nghệ thông tin:** Máy chiếu, ti vi, máy tính, powerpoint

**2. Học liệu:**

- Kiến thức bổ trợ: Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về vai trò và tác hại của động vật đối với con người (nguồn Internet)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| **1** | **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập (7’)**  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng động vật. (13’)**  **Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhóm động vật:**  **Hoạt động 2.2.1: Tìm hiểu về nhóm động vật không xương sống (25’)** | PPDH: Trực quan,giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm  KTDH: KWL, động não, chia nhóm |
| **2** | **Hoạt động 2.2.2: Tìm hiểu về nhóm động vật có xương sống(45’)** | PPDH: Giải quyết vấn đề, pp trực quan, hợp tác nhóm  KTDH: Động não, chia nhóm |
| **3** | **Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò và tác hại các nhóm động vật (45’)** | PPDH: Giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm  KTDH: Động não, chia nhóm |
| **4** | **Hoạt động 3: Luyện tập (25’)**  **Hoạt động 4: Vận dụng (20’)** | PPDH: Giải quyết vấn đề, sơ đồ tư duy. |

1. **Hoạt động 1: Xác định vấn đề học tập là nhận biết được động vật từ các đặc điểm nhận biết đặc trưng (7’)**
2. **Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được các loài động vật trong tự nhiên.
3. **Nội dung:** Học sinh quan sát hình vẽ SGK thực hiện nhiệm vụ cá nhân trả lời các câu hỏi mục 1,2 trong phiếu học tập KWL

- Kể tên các loài động vật trong hình? Kể thêm một số loài động vật em biết?

- Con hãy viết ít nhất 2 đặc điểm con biết để nhận biết động vật.

- Con còn thắc mắc điều gì về động vật? Muốn được giải đáp?

1. **Sản phẩm:**

- Học sinh trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập*

- GV yêu cầu học sinh dựa vào tranh, ảnh kết hợp kiến thức đã học thực hiện cá nhân trả lời các câu hỏi mục 1,2 trong phiếu học tập KWL.

*\* Thực hiện nhiệm vụ học tập*

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, những HS trình bày kể thêm một số động vật mà em biết không trùng với câu trả lời HS trình bày trước.

*\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*

- GV gọi ngẫu nhiên học sinh trình bày đáp án, HS khác nhận xét, bổ sung

**Gợi ý câu trả lời:**

- Các loài động vật trong hình: vịt, ếch, cá, chuồn chuồn, ốc, nòng nọc

- Một số động vật khác: chó, mèo, cào cào, chuột…

- Đặc điểm để nhận biết động vật: là sinh vật đa bào nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di chuyển.

*\* Đánh giá kết quả học tập*

- GV nhận xét câu trả lời HS và chốt lại kiến thức cơ bản để nhận biết được động vật.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về đa dạng động vật.**

1. **Mục tiêu:**

- Học sinh chỉ ra được sự đa dạng động vật được thể hiện qua số lượng loài, và môi trường sống của chúng.

- Học sinh nêu được đặc điểm chung của động vật từ đó so sánh các đặc điểm của động vật và thực vật

1. **Nội dung:**

- Học sinh tìm kiếm thông tin sách giáo khoa giải thích đa dạng động vật.

- GV chiếu một số hình ảnh về các loài động vật, sau đó yêu cầu HS đọc SGK trình bày đặc điểm chung của động vật và so sánh đặc điểm của động vật và thực vật

- Hoạt động nhóm 2 HS (5’) hoàn thành bảng môi trường sống của động vật.

1. **Sản phẩm:**

- HS trình bày được sự đa dạng của động vật và đặc điểm chung của động vật

- Nội dung bảng/149 SGK

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập*

- GV giao nhiệm vụ học tập cá nhân: tìm kiếm thông tin sách giáo khoa mục I trang 149, trả lời câu hỏi:

? *Đa dạng động vật được thể hiện như thế nào*

*?Nêu đặc điểm chung của động vật và so sánh đặc điểm của động vật và thực vật*

- GV yêu cầu HS so sánh với nội dung phiếu KWL cá nhân về đặc điểm chung của động vật để bổ sung, hoàn thiện.

- Thảo luận theo nhóm 2 HS và thực hiện yêu cầu phần I/149 SGK

*Các loài động vật có thể sống ở đâu? Hãy kể tên một số loài động vật sống ở những nơi đó và hoàn thành bảng theo mẫu sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Môi trường sống** | **Loài động vật** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*\* Thực hiện nhiệm vụ học tập*

- HS đọc thông tin sgk trả lời các câu hỏi và thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

*\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*

- GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).

- Lựa chọn 2-3 nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung

**Gợi ý câu trả lời**

- Đa đạng động vật được thể hiện:

+ Số lượng loài: có khoảng hơn 1,5 triệu loài động vật đã được xác định, mô tả và định tên.

+ Môi trường sống đa dạng: dưới nước, trên cạn, trong đất, trong cơ thể sinh vật khác

|  |  |
| --- | --- |
| **Môi trường sống** | **Loài động vật** |
| Dưới nước | Cá chép,cá trắm, tôm hùm.. |
| Trên cạn | Trâu,bò, lợn.. |
| Trong đất | Giun đất, dế,mối… |
| ….. | ……. |

- Đặc điểm chung của động vật: sinh vật đa bào nhân thực, dị dưỡng, tế bào không có thành tế bào, hầu hết có khả năng di chuyển.

- So sánh đặc điểm của động vật và thực vật( chỉ ra đặc điểm giống nhau và khác nhau)

*\* Đánh giá kết quả học tập*

GV nhận xét và chốt nội dung về đa dạng động vật và đặc điểm chung của động vật.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhóm động vật:**

**Hoạt động 2.2.1: Tìm hiểu về nhóm động vật không xương sống.**

1. **Mục tiêu:**

- HS nêu được đặc điểm chung nhất của nhóm động vật không xương sống

- Nhận biết được các ngành chủ yếu của nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái và video trên ti vi (Phim hoạt hình khám phá thế giới động vật không xương sống) (ruột khoang, giun; thân mềm, chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.

**b. Nội dung:**

- GV chiếu hình ảnh 13.1-13.6 SGK lên màn hình yêu cầu gọi tên và cho hs xem video trả lời cá nhân 2 câu hỏi

- HS đọc nội dung SGK và kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thiện phiếu học tập động vật không có xương sống.

- Hoàn thành bảng tổng kết dấu hiệu nhận biết các nhóm động vật không xương sống và sắp xếp các loài hình 13.7 vào các ngành phù hợp vào vở

**c. Sản phẩm:**

- Trả lời được 2 câu hỏi

- Đáp án bảng tổng kết dấu hiệu nhận biết các nhóm động vật (phần động vật không xương sống).

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*

- GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh chiếu trên màn hình và gọi được tên một số con vật điển hình

- Xem video trên tivi trả lời 2 câu hỏi

*+ Những loài có đặc điểm như thế nào được xếp vào nhóm động vật không xương sống?*

*+ Động vật không xương sống gồm những ngành chính nào?*

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (10 thành viên/nhóm): mỗi nhóm được phát các tư liệu hình ảnh các loài vật đại diện cho các nhóm động vật không xương sống.

5 phút: 2 thành viên tìm hiểu 1 nhóm động vật về các thông tin: tên nhóm động vật, đặc điểm nhận biết, đại diện các nhóm, môi trường sống.

5 phút: Tổng hợp kết quả

**-** GV yêu cầu HS đọc SGK, nhận biết đại diện các nhóm động vật và hoàn thiện nhóm đôi phần bước 1 và hoàn thiện theo nhóm 10 HS phần bước 2 trong nội dung phiếu học tập.

- Kể thêm những loài thân mềm và chân khớp mà em biết?

- Dựa vào phiếu học tập nêu được dấu hiệu nhận biết các nhóm động vật không xương sống và sắp xếp các loài hình 13.7 vào các ngành phù hợp.

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS quan sát hình ảnh và video trả lời các câu hỏi

- HS thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập và dựa vào PHT trả lời câu hỏi 1,2/150 SGK.

- Cá nhân hoàn thiện nội dung phiếu học tập vào vở.

*\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*

- GV gọi ngẫu nhiên một HS trình bày, các HS khác bổ sung (nếu có).

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm trình bày Phiếu học tập, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có).

**Gợi ý câu trả lời:**

**-**  *Những loài động vật mà cơ thể chúng không có xương sống gọi là động vật không xương sống*

**-** *Động vật không xương sống gồm những ngành chủ yếu: Ruột khoang, Giun dẹp, Giun tròn, Giun đốt, Thân mềm, Chân khớp*

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm động vật** | **Đặc điểm nhận biết** | **Đại diện** | **Môi trường sống** |
| **Động vật không xương sống** | **Ngành Ruột khoang** | ***Cơ thể đối xứng tỏa tròn***, khoang cơ thể thông ra bên ngoài qua lỗ miệng | Thủy tức, sứa, hải quỳ… | Dưới nước |
| **Ngành Giun dẹp** | ***Cơ thể dẹp,***  ***Đối xứng 2 bên*** | Sán lá gan, sán dây… | hầu hết kí sinh ở người và động vật |
| **Ngành Giun tròn** | ***Cơ thể hình trụ,*** hầu hết kích thước bé | Giun kim, giun đũa… | Trong đất, nước hoặc kí sinh |
| **Ngành Giun đốt** | ***Cơ thể phân đốt*** | Giun đất, rươi… | Nơi ẩm ướt |
| **Ngành Thân mềm** | ***Cơ thể rất mềm, thường được bao bọc bởi lớp vỏ cứng bên ngoài*** | Trai, ốc, mực, bạch tuộc… | Chủ yếu ở nước, một số ở trên cạn |
| **Ngành Chân khớp** | ***Phần phụ phân đốt***, nối với nhau bằng khớp động | Tôm, rết, nhện, châu chấu… | Trong đất, nước, trên cạn, kí sinh |

- Những loài thân mềm : Ôc sên , sứa và chân khớp: Tôm, dế mèn,bọ hung

- Câu hỏi 1: Dấu hiệu nhận biết của mỗi ngành (gạch chân vào nội dung trong phiếu học tập)

- Câu hỏi 2: Sắp xếp các loài hình 13.7 vào ngành phù hợp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Tên loài* | *Đặc điểm nhận biết* | *Ngành* |
| Sứa | Cơ thể đối xứng tỏa tròn | Ruột khoang |
| Châu chấu | Phần phụ phân đốt | Chân khớp |
| Hàu biển | Cơ thể rất mềm,có vỏ cứng ngoài | Thân mềm |
| Rươi | Cơ thể phân đốt | Giun đốt |

*\* Đánh giá kết quả học tập*

- GV nhận xét về kết quả hoạt động của các nhóm. GV chốt đáp án phiếu học tập về đặc điểm nhận biết và đại diện các nhóm động vật không xương sống.

**Hoạt động 2.2.2: Tìm hiểu về nhóm động vật có xương sống**

**a. Mục tiêu:**

-Nêu sự khác biệt cơ bản giữađộng vật không xương sống và động vật có xương sống

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình

1. **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS đọc SGK để chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống

- Kể tên các lớp chính của động vật có xương sống?

- GV chiếu hình ảnh từ hình 13.8-13.13, hình ảnh thêm các loài đại diện cho từng lớp và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận theo nhóm nhỏ 2 HS (mỗi lớp động vật 5’) nêu đặc điểm đặc trưng từng lớp về môi trường, hình dạng, đặc điểm nhận biết..

- HS trả lời các câu hỏi trong SGK lần lươt theo trình tự nội dung tìm hiểu

- *Em hãy lấy thêm các ví dụ về các loài cá mà em biết( cá nước mặn,cá nước ngọt)?*

- *Ếch đồng thường sống ở những nơi ẩm ướt, nếu nuôi nó ở nơi khô ráo ,thiếu ẩm thì nó có sống được không? Vì sao*

***-*** *Cá heo và cá voi cùng sống dưới nước và đều được gọi là cá ,tuy nhiên chúng không thuộc lớp Cá mà thuộc lớp Có vú. Em hãy tìm hiểu về hai loài trên và giải thích vì sao chúng lại không được xếp vào lớp Cá?*

- GV đưa thêm câu hỏi mở rộng: *Tại sao chim có thể bay được trong không khí?*

**c. Sản phẩm:**

- HS trả lời các câu hỏi

- Nêu được đặc điểm đặc trưng từng lớp về môi trường, hình dạng, đặc điểm nhận biết..

**d. Tổ chức thực hiện:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*

- HS đọc SGK để chỉ ra điểm khác biệt cơ bản giữa động vật không xương sống và động vật có xương sống

- Quan sát hình ảnh chiếu trên màn hình và thảo luận nhóm thống nhất câu trả lời ghi vào phiếu cá nhân

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ*:

- HS tìm tòi nghiên cứu SGK trả lời các câu hỏi, thảo luận và đi đến thống nhất về đặc điểm nhận biết các lớp động vật.

*\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:*

- Gv gọi cá nhân HS trả lời các câu hỏi

- GV gọi ngẫu nhiên 1-2 nhóm trình bày trong Phiếu học tập cá nhân, các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét bổ sung (nếu có).

**Gợi ý câu trả lời:**

*- Những loài động vật mà cơ thể chúng có xương sống gọi là động vật có xương sống*

*- Các lớp chủ yếu: Lớp Cá, lớp Lưỡng cư, lớp Bò sát, lớp Chim, lớp Thú*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm động vật** | **Đặc điểm nhận biết** | **Đại diện** | **Môi trường sống** |
| **Động vật có xương sống** | **Lớp Cá** | - Thân hình thoi, dẹp 2 bên  **- Hô hấp bằng mang** | Cá mập, cá chép, cá mè… | Dưới nước |
| **Lớp Lưỡng cư** | **Phát triển qua biến thái**, giai đoạn ấu trùng phát triển trong nước, hô hấp bằng mang, giai đoạn trưởng thành sống trên cạn, hô hấp bằng da và phổi. | Cóc nhà, ếch đồng,… | Vừa ở nước vừa ở cạn |
| **Lớp Bò sát** | **Hô hấp bằng phổi, vảy sừng che phủ** | Rùa, thằn lằn, cá sấu… | Chủ yếu trên cạn |
| **Lớp Chim** | **Lông vũ bao phủ, chi trước biến đổi thành cánh**, hô hấp bằng phổi, hệ thống túi khí phát triển | Chim bồ câu, vịt trời, … | Trên cạn, trên không |
| **Lớp Thú** | **Lông mao bao phủ cơ thể**  **Đẻ con, nuôi con bằng sữa tiết ra từ tuyến vú** | Thỏ, bò, voi, lợn,… | Trên cạn |

***-*** *Cá nước ngọt: cá trắm,cá mè, cá trê…; cá nước mặn: cá thu, cá lục, cá khoai..*

***-*** *Nếu nuôi ếch ở nơi khô ráo, thiếu ẩm thì nó sẽ không sống được vì mặc dù có thể hô hấp bằng phổi nhưng ếch vẫn hô hấp qua da là chủ yếu, khi trao đổi khí cần đủ ẩm để có thể khuếch tán dễ dàng. Khi môi trường khô ráo, da bị khô ếch sẽ không thực hiện hô hấp được dẫn đến thiếu oxi và chết.*

*- Cá heo và cá voi cùng sống dưới nước và đều được gọi là cá, tuy nhiên chúng không thuộc lớp Cá mà thuộc lớp Thú vì hô hấp bằng phổi, đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ.*

**-** *Chim có thể bay được trong không khí vì phổi có hệ thống túi khí phát triển, xương xốp, cơ thể phủ lông vũ nhẹ, không thấm nước..*

*\* Đánh giá kết quả học tập*

- GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm. GV chốt, chiếu đáp án phiếu học tập về đặc điểm nhận biết đại diện các nhóm động vật

- HS ghi chép vào vở

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò và tác hại của động vật:**

1. **Mục tiêu:**

- Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.

1. **Nội dung:**

- HS thống nhất kết quả nhóm đã chuẩn bị tại nhà về vai trò hoặc tác hại của động vật.

- Tham gia trò chơi “Tiếp sức”, tìm hiểu về vai trò và tác hại của động vật đối với đời sống.

- Kể tên được các loài động vật có lợi, có hại trong cuộc sống hàng ngày.

1. **Sản phẩm:**

* Học sinh liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống, cho ví dụ minh họa rõ ràng.

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:*

- GV yêu cầu các nhóm (chia cả lớp thành 3 đội từ tiết học trước), thống nhất kết quả đã chuẩn bị tại nhà về vai trò và tác hại của động vật đối với đời sống trong 5 phút

- GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức” (mỗi đội cử 5 người chơi)

Chủ đề: Động vật mang lại những lợi ích và tác hại gì đối với đời sống con người và tự nhiên?

**Luật chơi:**

Giám khảo là cô giáo và các học sinh.

Có 3 đội tham gia, mỗi đội đại diện 5 thành viên. Các thành viên trong từng nhóm lần lượt lên bảng ghi 1 đáp án vào cột vai trò hoặc tác hại. Trong thời gian 10 phút, nhóm nào có nhiều đáp án đúng hơn, nhóm đó chiến thắng.

- GV yêu cầu HS kể tên các loài động vật có lợi, có hại trong cuộc sống hàng ngày, cá nhân hoàn thành bảng vào vở.

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS các nhóm thống nhất kết quả đã chuẩn bị tại nhà về vai trò và tác hại của động vật đối với đời sống trong 5 phút

- Các nhóm tham gia trò chơi “Tiếp sức”

- HS hoàn thiện bảng vai trò và tác hại của động vật vào vở ghi.

*\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*:

GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức”.

*\* Đánh giá kết quả học tập*: GV nhận xét về kết quả hoạt đông của các nhóm

- GV chốt đáp án, HS hoàn thiện nội dung vào vở.

Động vật mang lại lợi ích đồng thời cũng gây ra các tác hại đối với đời sống con người và tự nhiên. Động vật là mắt xích quan trọng của chuỗi thức ăn trong tự nhiên, góp phần duy trì trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. Con người cần phải chung sống hòa bình và bảo vệ tất cả các loài động vật.

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vai trò và tác hại của động vật** | | **Tên động vật** |
| **Vai trò** | Thực phẩm | Lơn, trâu, bò.. |
| Dược phẩm | Sừng hươu, mật gấu, mật ong... |
| Nguyên liệu sản xuất | Da cá sâu, lông cừu.. |
| Giải trí, thể thao | Ngựa, khỉ... |
| Học tập – nghiên cứu khoa học | Khỉ, chuột... |
| Bảo vệ an ninh | Chó |
| **Tác hại** | Kí sinh, gây bệnh cho người, động vật khác | Giun, sán |
| Là động vật trung gian truyền bệnh | Ruồi, muỗi, ốc |
| Gây hại cho cây trồng | Ốc bươu vàng, ốc sên, các loài sâu hại |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (25’)**

1. **Mục tiêu:** Hệ thống được một số kiến thức đã học.
2. **Nội dung:**

- HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL.

- HS tóm tắt nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy.

- HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân.

- HS tự đánh giá bài làm của nhau.

1. **Sản phẩm:**

- HS trình bày quan điểm cá nhân về đáp án trên phiếu học tập KWL.

- Đáp án phiếu học tập cá nhân.

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân phần “Con học được trong giờ học” trên phiếu học tập KWL và tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy vào vở ghi.

- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS làm bài trong 5 phút.

- GV cho 2 HS cùng bàn đổi bài cho nhau.

- GV gọi 1 HS trong lớp chữa bài, sau đó cho HS cả lớp đánh giá bài làm theo nhóm (2 HS/nhóm).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.

- Hoàn thành phiếu học tập, tiến hành đánh giá bài của bạn theo biểu điểm của gv

*\* Báo cáo:* GV gọi ngẫu nhiên 3 HS lần lượt trình bày ý kiến cá nhân.

**Gợi ý:**

Câu 1. Sự đa dạng của động vật được thể hiện rõ nhất ở

A. Cấu tạo cơ thể và số lượng loài.

B. Số lượng loài và môi trường sống.

C. Môi trường sống và hình thức dinh dưỡng.

D. Hình thức dinh dưỡng và hình thức di chuyển.

Đáp án :B

Câu 2.Tập hợp các loài nào dưới đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

A. Tôm, muỗi, lợn, cừu.

B. Bò, châu chấu, sư tử, voi.

C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ.

D. Gấu, mèo, dê, cá heo.

Đáp án: D

Câu 3. Các khẳng định sau đây đúng hay sai?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Khẳng định | Đúng/ sai |
| 1 | Động vật bao gồm các sinh vật đa bào, nhân thực, dị dưỡng. | Đ |
| 2 | Chim có bộ lông vũ bao phủ, chi trước biến đổi thành cánh, thích nghi với đời sống bay lượn. | Đ |
| 3 | Tôm, nhện, ốc là các đại diện thuộc ngành Thân mềm. | S |

*\* Đánh giá kết quả học tập:*

- GV nhận xét về hoạt động cá nhân của HS, GV nhấn mạnh nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy trên bảng.

- GV đưa ra biểu điểm (mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm), tổng hợp mức điểm của HS, nhận xét hoạt động của HS.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (20’)**

1. **Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.
2. **Nội dung:**

- HS dựa vào kiến thức thực tế trả lời câu hỏi của GV.

- Tìm hiểu sự đa dạng các nhóm động vật đã học.

1. **Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**-** HS tạo được tập san chủ để: Đa dạng động vật ….. (một trong những nhóm động vật đã học)

1. **Tổ chức thực hiện:**

*\* Giao nhiệm vụ:*

- GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào kiến thức thực tế trả lời câu hỏi:

*? San hô là động vật hay thực vật*

*? Thế nào là bệnh lợn gaọ? Thịt lợn gạo nguy hiểm như thế nào?*

*? Một số biện pháp phòng bệnh giun sán.*

- GV yêu cầu HS đọc phần “Em có biết” và hoàn thiện câu trả lời cho 3 câu hỏi trên.

- Giao cho HS tạo được tập san chủ để “ Đa dạng động vật” thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

**+** Hình thức: báo cáo bằng sơ đồ tư duy, poster, powerpoint… (khuyến khích các hình ảnh minh họa, ý tưởng trình bày sáng tạo)

+ Tiêu chí đánh giá (Phụ lục)

+ Thời gian: nộp sản phẩm vào tiết học sau.

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

- HS đọc phần “Em có biết” và hoàn thiện câu trả lời.

-Làm việc nhóm ngoài giờ lên lớp: 2HS/nhóm tạo được tập san chủ để: Đa dạng động vật

*\* Báo cáo:* GV gọi 2-3 HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Gợi ý:**

**Câu 1**: San hô là động vật thuộc ngành Ruột khoang. San hô bắt mồi bằng tua miệng. Hầu hết chúng sống cố định và có khung xương đá vôi tạo thành rạn san hô bất động.

**Câu 2**: Bệnh lợn gạo là bệnh do ấu trùng sán dây lợn gây nên (do lợn ăn phải rau, bèo có ấu trùng sán).

Nếu ăn phải thịt lợn gạo (ấu trùng còn sống), ấu trùng đi đến dạ dày sẽ thoát ra khỏi nang sán, bám vào ruột non gây rối loạn tiêu hoá, đau bụng, cơ thể mệt mỏi. Mặt khác, ấu trùng đi vào trong máu, đến kí sinh ở cơ, xương, mắt, não... gây đau cơ, liệt, giảm trí nhớ, thị lực...)

**Câu 3**: Một số biện pháp phòng bệnh giun sán:

- Giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm:

+ Ăn chín, uống sôi

+ Rửa sạch, chế biến thực phẩm an toàn

+ Bảo quản thức ăn hợp vệ sinh(đậy lồng bàn, để trong tủ lạnh..)

+ Không ăn thức ăn bị ôi thiu, thịt trâu, bò, lợn gạo.

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân, nơi ở:

+ Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

+ Vệ sinh nơi ở, tiêu diệt động vật trung gian truyền bệnh (ruồi, muỗi)

- Tẩy giun định kì (1-2 lần/năm)

\* *Đánh giá kết quả học tập:*

- GV nhận xét ý thức tham gia hoạt động học tập của HS

- GV kết luận về sự đa dạng của động vật và vai trò của ĐV đối với đời sống.

**IV. CÁC PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP:**

**ĐỘNG VẬT**

*Họ và tên: ………………………………… Lớp: ………..*

***Hãy quan sát hình ảnh(SGK), theo con loài nào là động vật?Kể thêm tên một số động vật con biết?***

***Con hãy viết ít nhất 2 đặc điểm con biết để nhận biết động vật.***

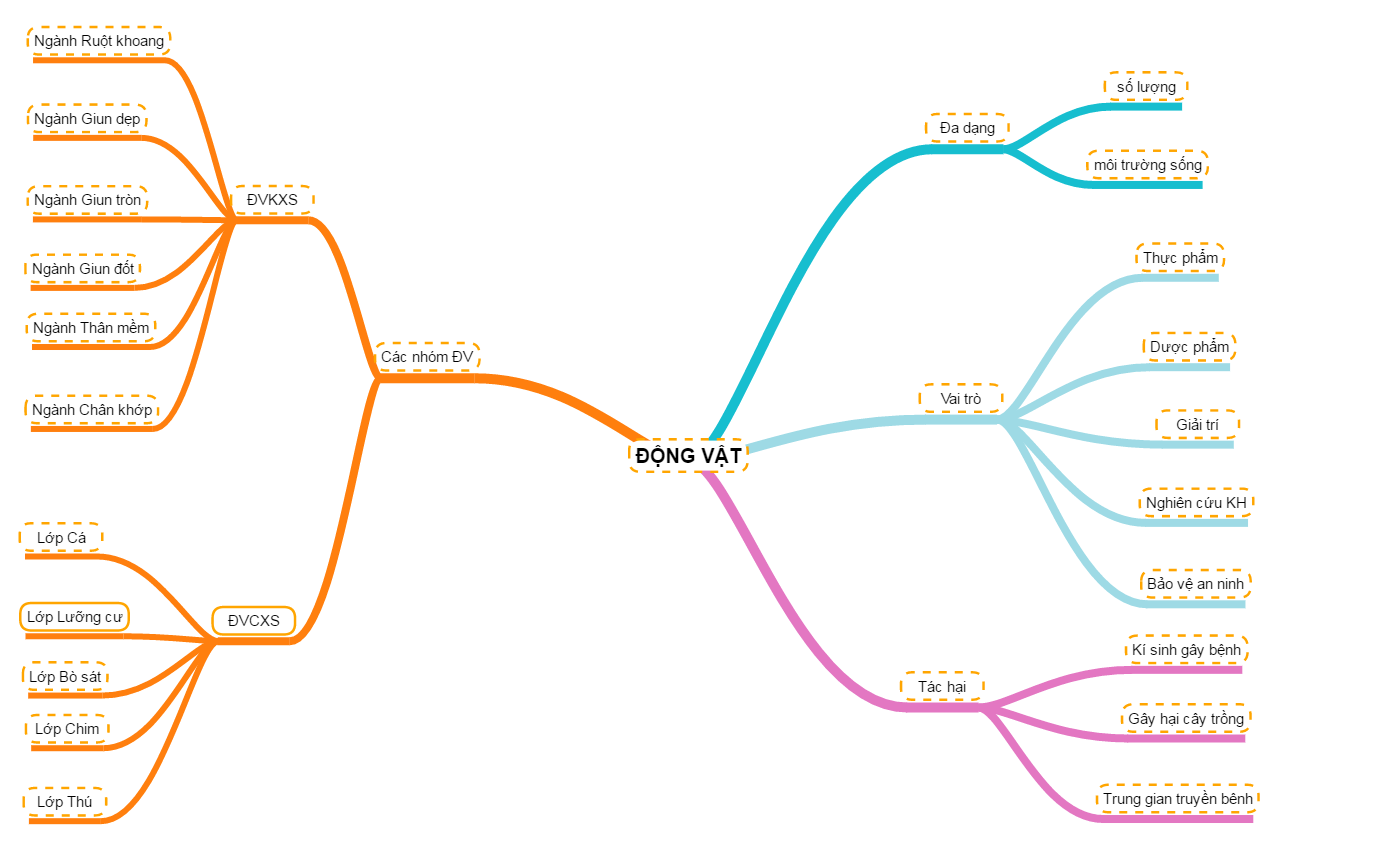
***Con còn thắc mắc điều gì về động vật? Muốn được giải đáp?***

 ***Tổng kết kiến thức con học được trong giờ học:***

* *Viết 3 nội dung con ấn tượng nhất trong giờ học con học được:*

* *Tóm tắt nội dung bài học dưới dạng sơ đồ tư duy.*

**SƠ ĐỒ TƯ DUY BÀI “ ĐỘNG VẬT”**

**

**PHIẾU HỌC TẬP:**

**BẢNG TỔNG KẾT CÁC NHÓM ĐỘNG VẬT:**

*Họ và tên: ………………………………… Lớp: ………..*

|  |
| --- |
|  |

***Nhiệm vụ:*** *Lắng nghe phần thuyết trình, thảo luận của các nhóm, hoàn thiện bảng thu hoạch cá nhân sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhóm động vật** | **Đặc điểm nhận biết** | **Đại diện** | **Môi trường sống** |
| **Động vật không xương sống** | **Ngành Ruột khoang** |  |  |  |
| **Ngành Giun dẹp** |  |  |  |
| **Ngành Giun tròn** |  |  |  |
| **Ngành Giun đốt** |  |  |  |
| **Ngành Thân mềm** |  |  |  |
| **Ngành Chân khớp** |  |  |  |
| **Động vật có xương sống** | **Lớp Cá** |  |  |  |
| **Lớp Lưỡng cư** |  |  |  |
| **Lớp Bò sát** |  |  |  |
| **Lớp Chim** |  |  |  |
| **Lớp Thú** |  |  |  |

**Tiêu chí chấm sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Yêu cầu** | **Số điểm** |
| **1** | Nội dung | - Đầy đủ, ngắn gọn, chính xác (3 điểm).  - Sắp xếp nội dung logic, sáng tạo (2 điểm). |  |
| **2** | Hình thức | - Bố cục khoa học, hợp lí (2 điểm).  - Có cả kênh chữ và kênh hình (1 điểm).  - Hình ảnh minh họa phù hợp, sinh động (1 điểm). |  |
| **3** | Ý thức học tập | - Hoàn thành đúng thời gian cho phép (1 điểm). |  |
| **Tổng điểm:** | | |  |